TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST Ngày 16/8/2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thanh D, sinh năm 1995; đăng ký HKTT: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1990; đăng ký HKTT và hiện trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Nh, sinh năm 1954; trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Vũ Thị Thanh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H kết hôn với nhau vào ngày 12/9/2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng gia đình chồng ở thôn H, xã C, huyện T. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của hai người

không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, anh H sống không chung thủy, đi ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặt khác, chị và mẹ chồng thường xuyên có mâu thuẫn nhưng anh H không hòa giải mâu thuẫn này mà còn bênh mẹ khiến cuộc sống của chị rất nặng nề, áp lực. Do không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên từ đầu tháng 5/2019, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã T, huyện T sống. Chị và anh H ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị thấy không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có một con chung là Lê A, sinh ngày 27/10/2015, con đang ở cùng chị. Nguyện vọng của chị muốn được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị làm công nhân, thu nhập trung bình là 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Lê Văn H và nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh H. Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2019, đại diện lãnh đạo xã cùng đại diện Hội phụ nữ, Tư pháp xã và lãnh đạo thôn H đều xác nhận anh H không có công việc ổn định, liên tục thay đổi chỗ làm và thường chơi bời với những thành phần có nhân thân xấu, anh H và chị D có mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị sống ly thân nhau.

Người làm chứng là bà Đoàn Thị Nh (là mẹ anh H) trình bày: Sau khi cưới, chị D và anh H sống cùng nhà với bà. Cuộc sống chung của chị D, anh H hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, mỗi lần nói chuyện đều xảy ra cãi nhau. Từ tháng 5/2019, chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Đ, T sống, anh H, chị D không hỏi han gì nhau. Khi Tòa án giao giấy triệu tập cho anh H, bà đã về đưa cho anh H, anh H nói đồng ý ly hôn nhưng sẽ không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã C đề nghị Tòa án giải xem xét giao con cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc vì con còn nhỏ, chị D lại có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, còn anh H công việc không ổn định, không đảm bảo việc nuôi con.

Toà án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên

toà sơ thẩm ngày 30/7/2019, bị đơn là anh Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên toà, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh H và đề nghị được nuôi con, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh D là đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị D có mặt, anh H vắng mặt lần hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị D ly hôn anh H; giao cho chị D nuôi con là Lê A, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D; về án phí: chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh D và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã C đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/9/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị D, căn cứ vào biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng (là bà Nh) có cơ sở xác định trong cuộc sống chị D và anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Từ tháng 5 năm 2019, chị D và anh H sống ly thân nhau. Anh H cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị D, điều này thể hiện ở việc trong quá trình vợ chồng ly thân, anh H và chị D không

quan tâm đến nhau và anh H cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị D nhưng không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ cũng đề nghị HĐXX xử cho chị D được ly hôn anh H. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. HĐXX thấy con chung của chị D và anh H còn nhỏ, từ khi cháu sinh ra đến nay vẫn do chị D chăm sóc, chị D có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, còn anh H không có công việc ổn định nên cần giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của cháu là phù hợp với quan điểm của đại diện VKS, quan điểm của Cơ quan bảo vệ gia đình và trẻ em ở địa phương và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh D, xử cho chị Vũ Thị Thanh D ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị Thanh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Lê A, sinh ngày 27/10/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H

cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005120 ngày 17/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã T, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu